

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2020/DS-PT

Ngày: 18-8-2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Cảnh.

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Nguyễn Thiện Tâm.

2. Ông Nguyễn Văn Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 N 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 N 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 18/5/2020 của Toà án nhân dân huyện Th H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 274/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 N 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp Nhơn Xuyên, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Th H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Bà Nguyễn Thị Th Ng, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Th H, huyện Th H, tỉnh Long An.

**Bị đơn:**

1/ Ông Phùng Văn H, sinh năm 1978.

2/ Bà Võ Thị B, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: ấp Nhơn Xuyên, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Th H, tỉnh Long An.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn Th (Tèo), sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp Nhơn Xuyên, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Th H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th: Bà Nguyễn Thị Th Ng, sinh N 1954.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Th H, huyện Th H, tỉnh Long An.

**Người kháng cáo:** Ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện cũng như lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N do bà Nguyễn Thị Th Ng đại diện theo ủy quyền trình bày yêu cầu khởi kiện: Ngày 19/10/2018 bà Nguyễn Thị N cho ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B vay 150.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 02%/tháng. Đến hạn trả nợ, ông H và bà B không trả số tiền trên cho bà N, mặc dù bà N đã nhiều lần yêu cầu. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu ông H và bà B liên đới trả 150.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất tính từ 19/10/2018 đến 19/12/2019 là 14 tháng với mức lãi suất 1.67%/tháng, thành tiền 35.070.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi bà N yêu cầu ông H và bà B trả là 185.075.000 đồng và yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Tại bản tự khai ngày 10/3/2020, bị đơn ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B trình bày: Ngày 19/10/2018 ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B vay của bà Nguyễn Thị N 150.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 02%/tháng. Do làm ăn thua lỗ nên ông H và bà B chưa trả số tiền trên cho bà N. Nay bà N khởi kiện yêu cầu ông H và bà B liên đới trả 150.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất tính từ 19/10/2018 đến 19/12/2019 là 14 tháng với mức lãi suất 1.67%/tháng, thành tiền 35.070.000 đồng. Như vậy, bà N yêu cầu ông H và bà B trả tổng cộng gốc và lãi là 185.075.000 đồng thì ông H và bà B đồng ý nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Tại bản tự khai ngày 11/02/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th trình bày: Ông Th có tên gọi khác là Tèo là con ruột của bà Nguyễn Thị N. Tại giấy có nội dung mượn tiền ngày 19/10/2018 có ghi “Anh hãy có mượn Tèo 150.000.000đ” là tiền của bà N do bà N đưa cho Th cho ông H vay. Nay bà N khởi kiện yêu cầu ông H và bà B liên đới trả 150.000.000đ tiền gốc và lãi suất thì ông Th không có ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 18/5/2020 của Toà án nhân dân huyện Th H đã căn cứ các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B.

Buộc ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N 150.000.000đ tiền gốc và 35.070.000đ tiền lãi, tổng cộng gốc và

lãi là 185.075.000đ (một trăm tám mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) phát sinh từ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, nếu người có nghĩa vụ trả tiền chậm trả thì pH trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B pH chịu 9.253.750đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Nguyễn Thị N không pH chịu án phí, hoàn trả cho bà N 4.627.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003227 ngày 06/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th H.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 26/5/2020, ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B kháng cáo yêu cầu giảm tiền án phí vì ông bà là cháu của Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng; yêu cầu xem xét lại số tiền mà ông bà đã vay của bà Nguyễn Thị N không có hạn thời gian trả, bây giờ ông bà không có khả năng trả một lần nên xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bà Nguyễn Thị Th Ng đại diện cho nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông H, bà B, yêu cầu ông H, bà B trả một lần số nợ đã vay cho bà N như án sơ thẩm.

Phản tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không tranh luận.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Theo đơn kháng cáo, ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B xin giảm tiền án phí và xin trả dần đến khi hết nợ vì hiện tại ông H, bà B không có khả năng trả một lần. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H và bà B trình bày yêu cầu kháng cáo là xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được đại diện nguyên đơn đồng ý. Xét thấy, đối với yêu cầu xin trả dần của ông H và bà B, pháp luật không quy định về việc cho trả dần đồng thời cũng không được nguyên đơn là bà N đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

Về việc xin giảm tiền án phí, xét ông H và bà B không thuộc trường hợp được giảm tiền án phí theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Phùng Văn H, bà Võ Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự N 2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B kháng cáo hợp lệ, vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

#### **[2] Về nội dung tranh chấp:**

[2.1] Ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B thống nhất đã xác lập hợp đồng vay với nội dung: Ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B có vay của Nguyễn Thị N số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 19/10/2018 như án sơ thẩm xác định là có căn cứ.

[2.2] Ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B xem xét lại số tiền mà ông bà đã vay của bà Nguyễn Thị N không có hạn thời gian trả nhưng không xuất trình được tài liệu chứng minh, mặc dù trong giấy vay tiền mà các bên xác lập không có xác định thời hạn trả nhưng từ khi thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm vào ngày 06/3/2020 đến nay cũng được xem là thời gian hợp lý để ông H, bà B trả tiền gốc và lãi cho bà N. Hơn nữa, ông H, bà B cũng thừa nhận rằng các bên có thỏa thuận khi nào bà N cần tiền thì ông H, bà B sẽ trả lại.

[2.3] Xét kháng cáo yêu cầu trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng của ông H, bà B là không có cơ sở chấp nhận vì tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự N 2015 quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì pH trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì pH trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”, không có quy định về trả nợ dần.

Từ đó thấy rằng kháng cáo của các đương sự là không có căn cứ và lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận và giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B mỗi người pH chịu 300.000 đồng theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Th H.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39 và Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B.

[2] Buộc ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N 150.000.000đ tiền gốc và 35.070.000đ tiền lãi, tổng cộng gốc và lãi là 185.075.000đ (một trăm tám mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) phát sinh từ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, nếu người có nghĩa vụ trả tiền chậm trả thì pH trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B pH chịu 9.253.750đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Nguyễn Thị N không pH chịu án phí, hoàn trả cho bà N 4.627.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003227 ngày 06/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th H.

[4] Án phí phúc thẩm: Buộc Ông Phùng Văn H và bà Võ Thị B mỗi người pH chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền mà ông H, bà B tạm ứng theo các biên lai thu số 00003304, số 00003307 cùng ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th H.

[5] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành Ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Cảnh**